

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 -6 -2021

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; Ông Hồ Quang Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2021, về: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐXXST-NHGD, ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 303 Hùng V, tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Trần Văn H (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 24/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Hồng N kết hôn với anh Trần Văn H năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không hiểu nhau, không có sự tin tưởng và yêu thương lẫn nhau thường xuyên cãi vã nên mâu thuẫn xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Nay, chị N không còn tình cảm với anh H. Vì vậy, chị N làm đơn ly hôn với anh Trần Văn H.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Văn H không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu giải

quyết.

* *Bị đơn anh Trần Văn H:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn H, tuy nhiên anh H đều vắng mặt và có đơn giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải; tại phiên tòa, anh Hoàng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Nguyễn Thị Hồng N chấp hành đúng quy định của pháp luật, anh Trần Văn H không chấp hành các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tuyên xử Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn H. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”. Bị đơn anh Trần Văn H có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn H có đơn xin giải quyết vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn không có mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Văn H kết hôn ngày 11/5/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N, sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, lối sống. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị N không còn tình cảm với anh H và vợ chồng đã không chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông nơi chị N, anh H sinh sống cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng của chị N, anh H chính quyền không nắm được có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị N và quan điểm của đại diện VKSND huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N là có cơ sở nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Văn H không có con chung nên không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Văn H không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Văn H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004040 ngày 22/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi